TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 29-3-2021
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và bà Đậu Thị Quy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân –Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Minh Chánh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về "*Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 85/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Võ T, sinh năm: 1960; Địa chỉ: đường C, phường A, TP. T, tỉnh Phú Yên. (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

2. *Bị đơn*: Nguyễn D, sinh năm: 1966; Nơi ĐKTT: đường C, phường A, TP. T, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: đường B, phường D, TP. T, tỉnh Phú Yên; (*Có mặt*)

-*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Bà Trần H, là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn K, thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. (*Có mặt*)

3. *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lâm, huyện T (*Cũ*) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 1989. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì cuộc sống hôn nhân bắt đầu rạn nứt, xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp. Từ năm 2016 vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, lâu dần dẫn đến phai nhạt tình cảm và không còn yêu thương, sau đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay nguyên đơn nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ M, sinh ngày 03-6-1990 và Võ H, sinh ngày 09-8-1999. Nay các con đều trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn D có các bản khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn D thống nhất với nguyên đơn về thời gian kết hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung, nhưng không đồng ý ly hôn với lý do ông nguyên đơn có quan hệ ngoại tình. Hiện nay bà Nguyễn D bị tổn thương sức khỏe tỷ lệ 39%, vừa công tác nhưng thường xuyên nghỉ chế độ bảo hiểm xã hội để tái khám, nên chưa muốn ly hôn vào thời điểm này, khi nào bà về hưu bà mới tính đến chuyện ly hôn.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 85/2020/HNGĐ-ST ngày 25-12-2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Cho ông Võ T được ly hôn với bà Nguyễn D.

Về con chung, tài sản chung: Không giải quyết. (*Các đương sự không yêu cầu*)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11-01-2021 bị đơn có đơn kháng cáo và ngày 23-3-2021 có đơn kháng cáo bổ sung không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, đề nghị Tòa dừng xét xử phúc thẩm 01 năm để bị đơn có thời gian chữa bệnh và cải thiện quan hệ tình cảm với nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn cung cấp các chứng cứ gồm hình ảnh vợ chồng chụp chung, xác nhận của khu phố và những người hàng xóm cho rằng vợ chồng không có mẫu thuẫn; Lúc bị đơn bị bệnh, nhập viện nguyên đơn có đến thăm và đưa tiền chi phí chữa trị, nên tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng không có mẫu thuẫn trầm trọng.

-Bị đơn bà Nguyễn D trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng; Nguyên đơn có quan hệ ngoại tình, nên yêu cầu Tòa không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; Đề nghị Tòa tạo điều kiện cho bị đơn, dừng xét xử phúc thẩm 01 năm để bị đơn có thời gian chữa bệnh và cải thiện tình cảm vợ chồng.

-Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn D:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ T và bà Nguyễn D tự nguyện tìm hiểu, đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 1989 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lâm, huyện T (*Cũ*) là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng hơn. Đến nay vợ chồng đã ly thân. Bị đơn đưa ra chứng cứ cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng thừa nhận vợ chồng đã ly thân. Tuy nhiên, theo lời trình bày của các con chung là Võ H, sinh năm 1999 và Võ M, sinh năm 1990 thì vợ chồng ông Võ T, bà Nguyễn D sống không hạnh phúc từ lâu và đề nghị Tòa giải quyết cho ông Võ T được ly hôn với bà Nguyễn D. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng ông Võ T, bà Nguyễn D thật sự có mâu thuẫn, nên lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở, đúng với hoàn cảnh gia đình ông Võ T - bà Nguyễn D.

Bà Nguyễn D còn đưa ra lý do chưa đồng ý ly hôn ở thời điểm này để chờ bà nghỉ hưu rồi mới tính đến chuyện ly hôn. Lời trình bày của bà Nguyễn D là chưa thật sự mong muốn hàn gắn vợ - chồng, đưa ra lý do chưa đồng ý ly hôn vì ảnh hưởng đến thời gian công tác và chữa bệnh chứ không phải vì tình cảm vợ chồng của vẫn còn và bà Nguyễn D cũng đã suy nghĩ, chuẩn bị đến việc ly hôn. Tại phiên tòa bà Nguyễn D cung cấp hình ảnh thời điểm tháng 6-2017, lúc đám cưới con gái, vợ chồng bà có chụp hình và bà nói rằng lúc chụp hình vợ chồng nắm tay là còn thể hiện tình cảm. Tuy nhiên, ở giai đoạn tố tụng sơ thẩm bà Nguyễn D lại cung cấp các chứng cứ hình ảnh ông Võ T chụp hình đứng bên cạnh người phụ nữ khác và còn gởi văn bản nêu ý kiến khẳng định sẽ không đến dự bất cứ một phiên hòa giải nào hay sẽ không đến Tòa trình bày ý kiến theo thông báo của Tòa. Như vậy, các chứng cứ bà Nguyễn D cung cấp là mâu thuẫn nhau, mâu thuẫn với nguyện vọng hàn gắn quan hệ vợ chồng, vì bị đơn từ chối hòa giải và đến Tòa trình bày ý kiến. Tại phiên tòa bị đơn không cung cấp chứng cứ gì thêm để cho rằng tình cảm vợ chồng đã cải thiện.

Ngoài ra, bà Nguyễn D yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm tạo điều kiện cho bà, dừng xét xử 01 năm để bà có thời gian chữa bệnh và cải thiện tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: Yêu cầu của bà Nguyễn D không phù hợp với quy định của pháp luật, vì thời gian hoãn phiên tòa không quá 01 tháng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà Nguyễn D.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét, nhận định đầy đủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Võ T được ly hôn với bà Nguyễn D là có căn cứ, nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn D không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 85/2020/HNGĐ-ST ngày 25-12-2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Ông Võ T được ly hôn với bà Nguyễn D.

[2] Về con chung: Không giải quyết. (*Các đương sự không yêu cầu*)

[3] Về tài sản chung: Không giải quyết. (*Các đương sự không yêu cầu*)

[4] Về án phí:

-*Đối với án phí dân sự sơ thẩm*: Được giải quyết theo bản án sơ thẩm số 85/2020/HNGĐ-ST ngày 25-12-2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

-*Đối với án phí dân sự phúc thẩm*: Áp dụng Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn D phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 300.000đ theo Biên lai thu số 0006993 ngày 15-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND thành phố T(2);
- Phòng GĐKT-NV;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Quang